# BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
# DỰ ÁN CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐỒ GỖ NỘI THẤT, PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (ĐỢT 2)

*(Kèm theo Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 13/11/2026 của Chủ tịch UBND phường Tân Hưng)*

*ĐVT: đồng*

| Stt | Họ và tên theo Thông báo thu hồi đất | Diện tích thực hiện dự án | | | | | | Bồi thường đất | Hỗ trợ Đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm | Hỗ trợ ổn định đời sống | Hỗ trợ sản xuất kinh doanh | Hỗ trợ cây cối hoa màu | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số tờ | Số thửa | Diện tích thửa đất ($m^2$) | Diện tích thực hiện dự án ($m^2$) | Trong đó | | | | | | | |
| | | | | | | Đất 03 ($m^2$) | Đất công ích ($m^2$) | | | | | | |
| 1 | Đặng Văn Thạy | 97 | 1224 | 458.0 | 143.7 | 143.7 | 0.0 | 15,807,000 | 79,035,000 | 0 | 4,742,000 | 3,233,000 | 102,817,000 |
| 2 | Đoàn Thị Khoát (Quỳ) | 97 | 1225 | 393.0 | 105.0 | 105.0 | 0.0 | 11,550,000 | 57,750,000 | 11,948,000 | 3,465,000 | 2,037,000 | 86,750,000 |
| 3 | Đặng Huy Hoan | 97 | 1226 | 348.0 | 99.0 | 99.0 | 0.0 | 10,890,000 | 54,450,000 | 2,655,000 | 3,267,000 | 2,911,000 | 74,173,000 |
| 4 | Nguyễn Văn Tốt | 97 | 1227 | 358.0 | 176.0 | 176.0 | 0.0 | 19,360,000 | 96,800,000 | 9,293,000 | 5,808,000 | 4,277,000 | 135,538,000 |
| 5 | Nguyễn Văn Phương | 97 | 1228 | 354.0 | 149.0 | 149.0 | 0.0 | 16,390,000 | 81,950,000 | 5,310,000 | 4,917,000 | 2,086,000 | 110,653,000 |
| 6 | Đặng Văn Khuê | 97 | 1229 | 607.0 | 123.0 | 123.0 | 0.0 | 13,530,000 | 67,650,000 | 6,638,000 | 4,059,000 | 2,952,000 | 94,829,000 |
| 7 | Đoàn Thị Tự | 97 | 1230 | 365.0 | 30.0 | 18.0 | 12.0 | 1,980,000 | 9,900,000 | 1,328,000 | 594,000 | 369,000 | 14,171,000 |
| 8 | Nguyễn Văn Điệp | 97 | 1231 | 100.0 | 145.3 | 74.0 | 71.3 | 8,140,000 | 40,700,000 | 14,603,000 | 2,442,000 | 740,000 | 66,625,000 |
| 9 | Đoàn Mạnh Thầm | 97 | 1232 | 112.0 | 197.5 | 197.5 | 0.0 | 21,725,000 | 108,625,000 | 7,965,000 | 6,518,000 | 4,523,000 | 149,356,000 |
| **Tổng Cộng** | | | | **3,095.0** | **1,168.5** | **1,085.2** | **83.3** | **119,372,000** | **596,860,000** | **59,740,000** | **35,812,000** | **23,128,000** | **834,912,000** |

*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi tư triệu chín trăm mười hai nghìn đồng./.*